

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 15  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 77/2026/DS-ST

Ngày 20-4-2026

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Ngô Xuân Khanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Hà Tấn T, sinh năm 1965, địa chỉ liên hệ: Số B, đường Đ, tổ C, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1983; địa chỉ: Số I, đường Đ, tổ C, khu phố I, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2025), có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968 và ông Mai Thành N, sinh năm 1987; cùng địa chỉ liên hệ: Số A, đường Đ, tổ E, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; bà G, ông N có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Ý kiến nguyên đơn ông Hà Tấn T do người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh S trình bày:*

Ông Hà Tấn T và bà Nguyễn Thị G là người quen từ trước do ở gần nhà. Ngày 13/11/2023, bà Nguyễn Thị G và con bà G là ông Mai Thành N (là con của bà G) đến nhà ông T tại địa chỉ: Số B, đường Đ, tổ C, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 129.000.000 đồng. Ông T đã viết giấy vay tiền ngày 13/11/2023 có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1968, ngụ tại khu phố G, số nhà A có mượn ông Hà Tấn Thông S1 tiền 129.000.000 đồng, tôi hẹn tháng 02 năm 2024 tôi sẽ trả đủ số tiền cho ông Hà Tấn T, nếu tôi không trả hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”; hai bên không thỏa thuận lãi suất; bà G hẹn đến tháng 02 năm 2024 sẽ trả đủ cho ông Thông số tiền 129.000.000 đồng. Bà G ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị G trong giấy mượn tiền. Ông T giao đủ tiền mặt cho bà G tại nhà ông T. Khi giao tiền thì chỉ có bà G và ông T, không có ai làm chứng.

Đến ngày 19/12/2024, bà G vay thêm 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); ngày 31/12/2024 bà G vay thêm 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng); hững lần mượn tiền sau bà G đều ký và ghi rõ họ tên trong cùng giấy mượn tiền ngày 13/11/2023. Ông T đã giao đủ số tiền 66.000.000 đồng cho bà G và giao bằng tiền mặt. Hai lần vay tiền ngày 19/12/2024 và ngày 31/12/2024 thì ông T đều không ghi thời hạn trả tiền; khi giao tiền thì chỉ có bà G và ông T, không có ai làm chứng; ông T giao tiền mặt cho bà G tại nhà ông T.

Ngày 27/02/2025, ông Mai Thành N là con ruột của bà G đến nhà ông T vay 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Ông T có viết giấy vay tiền ngày 27/02/2025 nội dung: “Tôi tên Thành N có mượn ông Hà Tấn Thông S1 tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)”; hai bên không thỏa thuận lãi suất; không ghi thời hạn trả tiền. Ông N ký và ghi rõ họ tên trong giấy vay tiền ngày 27/02/2025. Tính đến ngày 27/02/2025, bà G và ông N mượn ông Thông số tiền 197.000.000 đồng.

Sau đó, ông T ghi tổng cộng bà G vay 200.000.000 đồng và bà G đồng ý ký và ghi họ tên Nguyễn Thị G dưới cột số tiền 200.000.000 đồng trong giấy ngày 27/02/2025.

Ông T không đồng ý với ý kiến của bà G về việc bà G trình bày “Số tiền 129.000.000 đồng ông T không giao cho bà G vào ngày 13/11/2023, mà sau ngày 13/11/2023, từng tháng, ông T gọi điện thoại bà G lên và đưa vài triệu đồng; cộng dồn lại là 129.000.000 đồng” vì ông T giao số tiền 129.000.000 đồng sau khi ký giấy vay và ông T giao tiền mặt luôn cho bà G tại nhà ông T. Theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2023 thì giữa ông T và bà G không thỏa thuận lãi suất, do đó bà G trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất miệng số tiền vay 129.000.000 đồng là cứ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thì tiền lãi là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và không thỏa thuận thời hạn trả tiền thì ông T không đồng ý.

Sau đó, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà G và ông N hoàn trả cho ông Thông số tiền đã vay nhưng bà G và ông N không trả và hứa hẹn kéo dài đến nay. Nhận thấy, bà Nguyễn Thị G và ông Mai Thành N đã vi phạm hợp đồng và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà Nguyễn Thị G và ông Mai Thành N phải thanh toán toàn bộ số tiền là 208.491.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc khoản vay: 197.000.000 đồng; nợ lãi khoản vay: 19.700.000 đồng (tính theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm, tính từ ngày 27/02/2025 đến ngày 11/3/2026).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 3 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:* Bà G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bà G và ông N phải liên đới thanh toán số tiền là 208.491.000 đồng vì bà G chỉ vay ông Thông số tiền gốc là 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2023. Bà G thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 13/11/2023 là của bà G. Theo giấy mượn tiền ngày 13/11/2023, các bên không thỏa thuận lãi suất, chỉ thỏa thuận lãi suất miệng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thì tiền lãi là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Giấy mượn tiền ngày 13/11/2023 là ông T viết tại nhà ông T. Trong giấy mượn tiền có nội dung “...tôi hẹn tháng 02 năm 2024 tôi sẽ trả đủ số tiền cho ông Hà Tấn T, nếu tôi không trả hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật” thì bà G không đồng ý vì thời hạn trả tiền là do ông T tự ý ghi thêm vào. Từ khi vay tiền đến nay, bà G chưa trả cho ông T khoản tiền gốc và lãi nào. Số tiền 129.000.000 đồng, ông T không giao ngay cho bà G vào ngày 13/11/2023, mà sau ngày 13/11/2023, từng tháng, ông T gọi điện thoại bà G lên và đưa vài triệu đồng; cộng dồn lại là 129.000.000 đồng. Do lâu quá nên bà G không nhớ từng tháng ông T đưa bà Gái bao N1.

- Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) vào ngày 19/12/2024: Bà G thừa nhận có ký tên và ghi chữ Nguyễn Thị G1 dưới dòng chữ “ngày 19/12/2024 có mượn 40.000.000 đồng” nhưng số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) là tiền lãi của số tiền 129.000.000 đồng. Ông T là người ghi thêm dòng chữ “ngày 19/12/2024 có mượn 40.000.000 đồng” vào dưới giấy mượn tiền ngày 13/11/2023. Bà G1 không có vay ông Thông số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Đối với số tiền vay 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) vào ngày 31/12/2024: Số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) là tiền lãi của số tiền 129.000.000 đồng. Bà G1 không có vay ông Thông số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Sau đó, ông T tự ý ghi tổng cộng bà G1 vay 200.000.000 đồng và nói với bà G1 đây là tiền lãi của số tiền 129.000.000 đồng nên bà G1 đồng ý ký tên Nguyễn Thị G dưới cột số tiền 200.000.000 đồng. Bà G thừa nhận có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị G dưới cột tổng số tiền 200.000.000 đồng trong tờ giấy đề ngày 27/02/2025 nhưng là do ông T nói bà G ký tên và nói sau khi bán đất trả được bao nhiêu thì trả nên bà G mới đồng ý ký.

Ngoài ra, ông N là con ruột bà G có vay ông Thông số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 27/02/2025. Số tiền này ông N sẽ trả riêng cho ông T; bà G chỉ đồng ý trả cho ông Thông số tiền 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng)

tiền gốc, khi nào bán đất được thì bà G sẽ trả, còn hiện tại bà G không có tiền trả; còn tiền lãi thì bà G đề nghị gặp ông T thỏa thuận tiền lãi.

*Bị đơn ông Mai Thành N:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông N đến tòa án tham gia phiên tòa nhưng ông N không đến Tòa án làm việc. Tòa án có gửi Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 34/2026/TB-TA ngày 11/3/2026 đến ông N về việc yêu cầu ông N trình bày ý kiến có ký và ghi họ tên vào giấy vay tiền ngày 27/02/2025 vay ông Hà Tấn Thông S1 tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) không? Nguyên đơn ông Hà Tấn T có đơn khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị G và ông Mai Thành N phải thanh toán toàn bộ số tiền là 208.491.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc khoản vay: 197.000.000 đồng; nợ lãi khoản vay: 19.700.000 đồng (tính theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm, tính từ ngày 27/02/2025 đến ngày 11/3/2026) thì bị đơn ông N có ý kiến như thế nào nhưng ông N cũng không đến Tòa án để cung cấp bản tự khai và trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà G và ông N phải liên đới thanh toán 197.000.000 đồng tiền gốc + 16.164.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 213.164.000 đồng. Tiền lãi gồm tiền lãi của khoản vay 129.000.000 đồng tính từ ngày 27/02/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là 12.900.000 đồng; còn tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng và 26.000.000 đồng tính từ ngày nộp đơn kiện là 10/10/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là 3.264.000 đồng.

Bị đơn bà G, ông N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về số tiền gốc: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà G và ông N phải liên đới thanh toán số tiền gốc 197.000.000 đồng vì các giấy vay tiền chỉ có bà G ký tên, bà G trình bày bà vay số tiền 195.000.000 đồng của ông T là phục vụ cho mục đích cá nhân bà G, ông N không biết việc bà G vay tiền. Nguyên đơn cho rằng số tiền bà G vay 195.000.000 đồng là để phục vụ cho mục đích chung của bà G và ông N nhưng nguyên đơn không có tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông N thừa nhận ký tên và vay ông Thông số tiền 2.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông

Thông số tiền 2.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông N.

Về lãi suất, ông T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 27/2/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhận thấy, đối với khoản vay 129.000.000 đồng ngày 13/11/2023 thì tại giấy vay hai bên có thỏa thuận đến tháng 02/2024 bà G sẽ phải trả lại tiền vay cho ông T, nhưng đến thời hạn theo thỏa thuận bà G vẫn không trả nên ông T được quyền yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 3/2024 trở đi. Tuy nhiên, ông T chỉ yêu cầu lãi chậm thanh toán từ tháng 02/2025 trở đi là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Riêng đối với khoản vay 40.000.000 đồng vào ngày 19/12/2024 và khoản vay 26.000.000 đồng vào ngày 31/12/2024 đều không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên theo quy định của pháp luật thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và phải thông báo cho bên vay một thời hạn hợp lý. Tuy nhiên, qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện trước khi khởi kiện ra Tòa án ông T đã thông báo cho bà G biết về thời hạn phải trả lại nợ vay, do đó chỉ có cơ sở xác định thời điểm tính lãi chậm trả kể từ ngày ông T khởi kiện ngày 10/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc 66.000.000 đồng.

Về tiền lãi đối với số tiền 2.000.000 đồng theo giấy vay ngày 27/2/2023: Tương tự như phân tích trên khoản vay này hai bên cũng không thỏa thuận về thời hạn trả nợ, ông T cũng không ban hành thông báo cho bị đơn ông N trước khi khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu trả nợ nên chỉ có căn cứ chấp nhận mốc thời gian tính lãi kể từ thời điểm nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ngày 10/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc 2.000.000 đồng nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn kể từ ngày 27/02/2025 trở đi là chưa phù hợp, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng**

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Tấn T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị G và ông Mai Thành N phải thanh toán toàn bộ số tiền là 208.491.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng); trong đó, nợ gốc khoản vay: 197.000.000 đồng; nợ lãi khoản vay: 19.700.000 đồng. Do đó đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968 và ông Mai Thành N, sinh năm 1987 cùng cư trú tại địa chỉ: Số A, đường Đ, tổ E, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

ngày 25/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền gốc:

Nguyên đơn ông Hà Tấn T khởi kiện và chứng minh bị đơn bà Nguyễn Thị G và ông Mai Thành N vay tiền gốc 197.000.000 đồng bằng Giấy mượn tiền ngày 13/11/2023; cụ thể ngày 13/11/2023, bà G mượn số tiền 129.000.000 đồng; đến ngày 19/12/2024, bà G vay thêm 40.000.000 đồng; ngày 31/12/2024, bà G vay thêm 26.000.000 đồng. Bà G ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị G trong giấy mượn tiền. Ngày 27/02/2025, ông Mai Thành N là con ruột của bà G vay số tiền 2.000.000 đồng. Ông N ký và ghi rõ họ tên trong giấy vay tiền ngày 27/02/2025.

[2.1.1] Đối với số tiền 129.000.000 đồng: Giấy mượn tiền ngày 13/11/2023 có nội dung: “*Tôi tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1968 ngụ tại khu phố G, số nhà A có mượn ông Hà Tấn Thông S1 tiền 129.000.000 đồng, tôi hẹn tháng 02 năm 2024 tôi sẽ trả đủ số tiền cho ông Hà Tấn T, nếu tôi không trả hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”; hai bên không thỏa thuận lãi suất; bà G hẹn đến tháng 02 năm 2024 sẽ trả đủ cho ông Thông số tiền 129.000.000 đồng. Bà G ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị G trong giấy mượn tiền. Bà G thừa nhận có ký tên và ghi rõ họ tên trong giấy vay tiền ngày 13/11/2023, đồng ý thanh toán cho ông Thông số tiền 129.000.000 đồng. Do đó có căn cứ buộc bà G phải thanh toán cho ông Thông số tiền gốc 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng).

[2.1.2] Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 19/12/2024 và số tiền vay 26.000.000 đồng vào ngày 31/12/2024: Bà G khai đây là tiền lãi của số tiền 129.000.000 đồng, không phải số tiền vay, bà G không nhận được số tiền này từ ông T. Bà G thừa nhận ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị G vào giấy vay ngày 19/12/2024. Sau đó, ông T tự ý ghi tổng cộng bà G vay 200.000.000 đồng và nói với bà G đây là tiền lãi của số tiền 129.000.000 đồng nên bà G đồng ý ký tên Nguyễn Thị G dưới cột số tiền 200.000.000 đồng. Bà G thừa nhận có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị G dưới cột tổng số tiền 200.000.000 đồng trong tờ giấy đề ngày 27/02/2025 nhưng là do ông T nói bà G ký tên và nói sau khi bán đất trả được bao nhiêu thì trả nên bà G mới đồng ý ký. Ông T chỉ yêu cầu bà G, ông N thanh toán số tiền 197.000.000 đồng tiền gốc (gồm 195.000.000 đồng do bà G ký tên vay và 2.000.000 đồng do ông N ký tên vay). Tại phiên tòa, bà G thừa nhận chỉ vay ông Thông số tiền 129.000.000 đồng; nhưng không thừa nhận vay số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 19/12/2024 và vay số tiền 26.000.000 đồng vào ngày 31/12/2024, nhưng bà G thừa nhận ký tên và ghi họ tên dưới dòng chữ “*ngày 19/12/2024 có mượn 40.000.000 đồng*”) và dưới dòng chữ “*ngày 31/12/2024 (tiền cũ: 129.000.000 đồng + 40.000 + 26.000.000 đồng), tổng cộng là 195.000.000 đồng*”. Do đó có căn cứ buộc bà G phải thanh toán cho ông Thông số tiền 195.000.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 197.000.000 đồng: Tại phiên tòa, ông N khai chỉ vay ông Thông số tiền 2.000.000 đồng và khai không biết việc bà G vay ông Thông số tiền 195.000.000 đồng. Ông T cho rằng ông N là người ký

tên sau cùng vào giấy ngày 27/02/2025, sau khi ông T ghi tổng số tiền bà G vay là 200.000.000 đồng, do đó, ông N biết việc bà G vay số tiền 195.000.000, nên buộc bà G và ông N phải liên đới thanh toán số tiền 197.000.000 đồng (gồm 195.000.000 đồng do bà G ký tên vay và 2.000.000 đồng do ông N ký tên vay). Tuy nhiên, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bà G và ông N cùng sử dụng chung số tiền 197.000.000 đồng; do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T về việc buộc bà G, ông N liên đới thanh toán số tiền 197.000.000 đồng.

[2.1.3] Tại phiên tòa, ông N thừa nhận có ký tên và ghi họ tên Mai Thanh N2 trong giấy vay ngày 27/02/2025 để vay ông Thông số tiền 2.000.000 đồng; ông N2 đồng ý trả cho ông Thông số tiền 2.000.000 đồng, nên buộc ông N2 phải thanh toán cho ông Thông số tiền gốc 2.000.000 đồng.

## [2.2] Về yêu cầu tiền lãi:

[2.2.1] Giấy mượn tiền ngày 13/11/2023 có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1968 ngụ tại khu phố G, số nhà A có mượn ông Hà Tấn Thông S1 tiền 129.000.000 đồng, tôi hẹn tháng 02 năm 2024 tôi sẽ trả đủ số tiền cho ông Hà Tấn T, nếu tôi không trả hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”; hai bên không thỏa thuận lãi suất; bà G hẹn đến tháng 02 năm 2024 sẽ trả đủ cho ông Thông số tiền 129.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà G không thanh toán đủ tiền lãi vào tháng 02/2024, bà G phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T tiền lãi từ tháng 3/2024 với mức lãi suất là 10%/năm theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuy nhiên, ông T chỉ yêu cầu bà G thanh toán lãi suất từ ngày 27/02/2025 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bà G. Tiền lãi của khoản vay 129.000.000 đồng được tính từ ngày 27/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/4/2026 với mức lãi suất 10%/năm được tính như sau: 129.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 01 tháng 22 ngày = 14.763.325 đồng.

[2.2.2] Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 19/12/2024 và số tiền vay 26.000.000 đồng vào ngày 31/12/2024: Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về thời hạn trả và lãi suất đối với số tiền 66.000.000 đồng. Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác....*”. “*...Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm*

xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại .... Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào tình trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo...”. Tuy nhiên, khi nộp đơn khởi kiện nguyên đơn ông T không thông báo cho bà G, ông N2 về việc yêu cầu bà G, ông N2 trả số tiền gốc 66.000.000 đồng; cũng không gửi cho bà G, ông N2 đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo. Ngày 07/3/2026, bà G ông N2 mới nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 55/TB-TA ngày 13/01/2026. Do đó thời gian hợp lý theo quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 là ngày 07/3/2026.

Tiền lãi của khoản vay 66.000.000 đồng được tính từ ngày 07/3/2026 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/4/2026 với mức lãi suất 10%/năm được tính như sau:  $66.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 45 \text{ ngày} = 824.985 \text{ đồng}$

[2.2.3] Đối với số tiền vay ngày 27/02/2025: Ông N2 ký tên vay ông Thông số tiền 2.000.000 đồng, ông T và ông N2 cũng không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay ngày 27/02/2025, như phân tích tại đoạn [2.2.2] về thời gian hợp lý tính từ ngày 07/3/2026, tiền lãi tính như sau:  $2.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 45 \text{ ngày} = 24.998 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền bà G phải trả cho ông T gồm gốc và lãi:  $195.000.000 \text{ đồng (gốc)} + 14.763.325 \text{ đồng (lãi)} + 824.985 \text{ đồng (lãi)} = 210.588.310 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền ông N2 phải trả cho ông T gồm gốc và lãi:  $2.000.000 \text{ đồng} + 24.998 \text{ đồng} = 2.024.998 \text{ đồng}$

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, nguyên đơn được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều: 91, 147, 244, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các Điều: 463, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Tấn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị G, ông Mai Thành N.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị G phải thanh toán cho ông Hà Tấn T là 195.000.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 15.588.310 đồng (mười lăm triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn ba trăm mười đồng) tiền lãi, tổng cộng là 210.588.310 đồng (hai trăm mười triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm mười đồng).

1.2. Buộc ông Mai Thành N phải thanh toán cho ông Hà Tấn Thông S1 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nợ gốc và 24.998 đồng (hai mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng) tiền lãi, tổng cộng là 2.024.998 đồng (hai triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Tấn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị G, ông Mai Thành N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị G, ông Mai Thành N liên đới thanh toán số tiền 197.000.000 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) tiền gốc và 22.545.550 đồng (hai mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi đồng) tiền lãi, tổng cộng là 219.545.550 đồng (hai trăm mười chín triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị G phải chịu 10.529.416 đồng (mười triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm mười sáu đồng).

Ông Mai Thành N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Hà Tấn T được miễn án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND khu vực 15 - TP. HCM;
- Thia hành án dân sự TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Kim Thoa**